

BỘ NGOẠI GIAO

Số: 1128/QĐ-BNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành Kế hoạch sơ kết 5 năm triển khai thực hiện Kế hoạch

triển khai Thỏa thuận toàn cầu về Di cư hợp pháp, an toàn và trật tự

của Liên hợp quốc ban hành kèm theo Quyết định số 402/QĐ-TTg

ngày 20/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ

**BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO**

Căn cứ Nghị định số 28/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao;

Căn cứ Quyết định số 402/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 20/3/2020 ban hành Kế hoạch triển khai Thỏa thuận toàn cầu về Di cư hợp pháp, an toàn và trật tự của Liên hợp quốc;

Căn cứ Quyết định số 2060/QĐ-BNG ngày 14/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 20/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Lãnh sự.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch sơ kết 5 năm triển khai thực hiện Kế hoạch triển khai Thỏa thuận toàn cầu về Di cư hợp pháp, an toàn và trật tự của Liên hợp quốc ban hành kèm theo Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 20/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

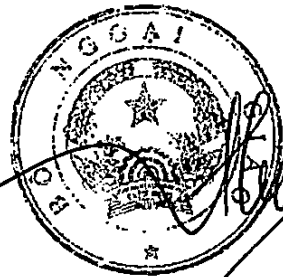
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Bùi Thanh Sơn (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Lưu: HC, LS.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Lê Thị Thu Hằng**



## KẾ HOẠCH

Sơ kết 5 năm triển khai thực hiện Kế hoạch triển khai Thỏa thuận toàn cầu về Di cư hợp pháp, an toàn và trật tự của Liên hợp quốc

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1128/QĐ-BNG ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao)

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

#### 1. Mục đích

- Đánh giá đầy đủ, toàn diện kết quả thực hiện Kế hoạch triển khai Thỏa thuận toàn cầu về Di cư hợp pháp, an toàn và trật tự (Thỏa thuận GCM), trong đó làm nổi bật những kết quả đạt được, phát hiện sáng kiến, cách làm hay, chỉ rõ tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm về thực hiện Kế hoạch triển khai Thỏa thuận GCM

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ của Kế hoạch và đề xuất định hướng tăng cường hiệu quả thực hiện Kế hoạch triển khai Thỏa thuận GCM và nâng cao năng lực quản lý di cư quốc tế của Việt Nam.

#### 2. Yêu cầu

- Việc sơ kết, đánh giá cần được tiến hành nghiêm túc, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức, gắn với công tác thi đua, khen thưởng.

- Nội dung sơ kết phải bám sát các yêu cầu, nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ cụ thể đã đề ra tại Kế hoạch, phản ánh khách quan, trung thực kết quả triển khai đạt được trong giai đoạn 2020-2025.

- Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ và thực hiện đầy đủ nội dung, đúng tiến độ nêu trong Kế hoạch.

### II. NỘI DUNG SƠ KẾT

1. Tổ chức sơ kết 5 năm và xây dựng báo cáo của các bộ, cơ quan, địa phương

- Cơ quan chủ trì: Các bộ, cơ quan, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của mình tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả 5 năm thực hiện Kế hoạch triển khai Thỏa thuận GCM bằng các hình thức phù hợp và xây dựng Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Kế hoạch triển khai Thỏa thuận GCM theo Đề cương Báo cáo kèm theo.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Ngoại giao.

- Thời gian thực hiện: Các bộ, cơ quan, địa phương gửi báo cáo về Bộ Ngoại giao trước ngày 15/6/2025.

2. Xây dựng Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Kế hoạch triển khai Thỏa thuận GCM trình Thủ tướng Chính phủ

- Cơ quan chủ trì: Bộ Ngoại giao.
- Cơ quan phối hợp: Các bộ, cơ quan, địa phương.
- Thời gian thực hiện: trong tháng 7/2025.

3. Tổ chức Hội nghị toàn quốc sơ kết 5 năm thực hiện Kế hoạch triển khai Thỏa thuận GCM

- Cơ quan chủ trì: Bộ Ngoại giao.
- Cơ quan phối hợp: Các bộ, cơ quan, địa phương.
- Thời gian thực hiện: trong tháng 8/2025.

4. Tổ chức khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch triển khai Thỏa thuận GCM

- Tại địa phương: Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tham mưu, đề xuất khen thưởng theo thẩm quyền đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong triển khai thực hiện Kế hoạch triển khai Thỏa thuận GCM.

- Tại Trung ương: Các bộ, cơ quan chủ động thực hiện công tác khen thưởng theo thẩm quyền đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong triển khai thực hiện Kế hoạch triển khai Thỏa thuận GCM đối với phạm vi, lĩnh vực quản lý.

Bộ Ngoại giao sẽ lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc nhất trong triển khai thực hiện Kế hoạch triển khai Thỏa thuận GCM để xét tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao (Bộ Ngoại giao sẽ có văn bản hướng dẫn cụ thể về đối tượng, tiêu chí, tiêu chuẩn xét khen thưởng).

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm thực hiện của Bộ Ngoại giao

a) Cục Lãnh sự

- Chủ trì, theo dõi, hướng dẫn việc triển khai Kế hoạch sơ kết.

- Xây dựng dự thảo Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Kế hoạch triển khai Thỏa thuận GCM trình Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức Hội nghị toàn quốc; chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ và các đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất Bộ trưởng Bộ Ngoại giao khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch triển khai Thỏa thuận GCM.

b) Văn phòng Bộ

Phối hợp với Cục Lãnh sự và các đơn vị liên quan tham mưu, hướng dẫn về đối tượng, chỉ tiêu, tiêu chuẩn xét khen thưởng và tiến hành các thủ tục khen thưởng theo quy định đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch triển khai Thỏa thuận GCM.

## 2. Trách nhiệm thực hiện của các bộ, cơ quan, địa phương

Tổ chức sơ kết 5 năm thực hiện Kế hoạch triển khai Thỏa thuận GCM và xây dựng báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Kế hoạch triển khai Thỏa thuận GCM gửi Bộ Ngoại giao đúng thời hạn.

## IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện sơ kết 5 năm thực hiện Kế hoạch triển khai Thỏa thuận GCM được bố trí trong dự toán chi ngân sách của các bộ, cơ quan, địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác (nếu có)./.

## **ĐỀ CƯƠNG**

### **Báo cáo sơ kết 5 năm triển khai thực hiện Kế hoạch triển khai Thỏa thuận toàn cầu về Di cư hợp pháp, an toàn và trật tự của Liên hợp quốc**

*(Kèm theo Kế hoạch sơ kết 5 năm triển khai thực hiện Kế hoạch triển khai Thỏa thuận toàn cầu về Di cư hợp pháp, an toàn và trật tự của Liên hợp quốc)*

#### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

- Bối cảnh triển khai nhiệm vụ và tình hình chính trị - quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội có tác động đến việc thực hiện Kế hoạch triển khai Thỏa thuận toàn cầu về Di cư hợp pháp, an toàn và trật tự (Thỏa thuận GCM).

- Tình hình, số liệu di cư của công dân Việt Nam ra nước ngoài và người nước ngoài vào Việt Nam; đánh giá những điểm nổi bật, xu hướng, các vấn đề thách thức.

Mốc thời gian báo cáo số liệu: **01/01/2020 đến 31/3/2025.**

\* **Lưu ý:** Các bộ, cơ quan cung cấp số liệu theo Biểu mẫu thống kê số liệu di cư quốc tế (kèm theo) và theo quy định thống kê chuyên ngành. Ngoài ra, Bộ Công an cung cấp thêm số liệu công dân được nhận trở lại; Bộ Nội vụ cung cấp thêm số liệu về thanh tra, kiểm tra việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của các doanh nghiệp (số doanh nghiệp, lĩnh vực vi phạm, hình thức xử phạt...). Số liệu cần phân tách theo các tiêu chí: giới tính, nhóm tuổi, quốc gia.

#### **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỎA THUẬN GCM**

##### **1. Công tác phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện Kế hoạch**

- Việc phổ biến Kế hoạch (thời gian, cấp độ triển khai, đối tượng)
- Việc ban hành Kế hoạch, văn bản chỉ đạo thực hiện

##### **2. Kết quả triển khai các nhiệm vụ tại Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 20/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ**

Đề nghị các bộ, cơ quan, địa phương báo cáo kết quả triển khai các nhiệm vụ theo kế hoạch của mình đã ban hành và tại Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 20/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên 4 nhóm nội dung sau:

*2.1. Tuyên truyền, phổ biến thông tin về Thỏa thuận GCM, các vấn đề di cư quốc tế thuộc phạm vi trong và ngoài nước, tăng cường năng lực trong triển khai Thỏa thuận GCM*

- Số buổi tổ chức phổ biến (đối tượng tham gia; nội dung tuyên truyền); việc kết hợp lồng ghép phổ biến Thỏa thuận GCM với các hoạt động tuyên truyền theo lĩnh vực quản lý.

- Số lượng tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác liên quan đến di cư quốc tế.

\* **Lưu ý:** Các bộ, cơ quan sau đánh giá thêm việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể:

- **Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:** nhiệm vụ 1.3 (hướng dẫn thực hiện các chương trình phát thanh truyền hình, các tin bài tuyên truyền về Thỏa thuận GCM, tăng cường các chuyên mục, chuyên trang về các vấn đề di cư quốc tế) và nhiệm vụ 1.4 (tổ chức các sự kiện thông tin, tuyên truyền, xuất bản các ấn phẩm, tài liệu giới thiệu và nghiên cứu về Thỏa thuận GCM và các vấn đề di cư quốc tế).

- **Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Bộ Dân tộc và Tôn giáo:** nhiệm vụ 1.4 (tổ chức các sự kiện thông tin, tuyên truyền, xuất bản các ấn phẩm, tài liệu giới thiệu và nghiên cứu về Thỏa thuận GCM và các vấn đề di cư quốc tế).

- **Bộ Giáo dục và Đào tạo:** nhiệm vụ 1.5 (có hình thức phù hợp để tăng cường thông tin về di cư cho học sinh tại các cấp học).

- **Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:** nhiệm vụ 1.8 (tăng cường vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong công tác tuyên truyền, vận động người dân nâng cao nhận thức về di cư hợp pháp, an toàn và trật tự).

*2.2. Thu thập thông tin, dữ liệu về di cư của công dân Việt Nam ra nước ngoài và người nước ngoài vào Việt Nam*

Việc thu thập, thống kê số liệu di cư quốc tế; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thu thập thông tin, dữ liệu về di cư.

**Bộ Tài chính** đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ cụ thể 2.3 (lồng ghép các nội dung liên quan đến di cư trong các cuộc tổng điều tra dân số và nhà ở).

*2.3. Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật và triển khai thực hiện*

- Việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến di cư quốc tế để kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới nhằm đảm bảo phù hợp với thực tiễn, kịp thời tháo gỡ các vướng mắc nảy sinh trong quá trình triển khai Thỏa thuận GCM.

- Việc nghiên cứu xây dựng chính sách về di cư quốc tế hoặc lồng ghép các vấn đề di cư vào các chính sách có liên quan.

- Việc triển khai các chương trình, kế hoạch liên quan đến di cư quốc tế đã được phê duyệt (phòng, chống di cư trái phép và đưa người di cư trái phép, phòng, chống mua bán người, quản lý xuất nhập cảnh, quản lý người nước ngoài...).

- Việc rà soát, ban hành đồng bộ các giải pháp, chính sách kinh tế - xã hội phù hợp với tình hình của Việt Nam (chính sách về giảm nghèo, an sinh xã hội, gắn với việc làm bền vững, bình đẳng giới và nâng cao vị thế cho phụ nữ, trẻ em gái...) nhằm giảm thiểu các nhân tố dẫn tới di cư trái phép, giúp người dân có quyết định đúng đắn về di cư.

\* **Lưu ý:** Các bộ, cơ quan sau đánh giá thêm việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể:

- **Bộ Tư pháp:** nhiệm vụ 3.2.5 (việc nghiên cứu gia nhập Công ước năm 1954 về vị thế người không quốc tịch, Công ước năm 1961 về giảm tình trạng không quốc tịch); nhiệm vụ 3.3.7 (đăng ký hộ tịch cho người di cư ở tất cả các giai đoạn di cư...); nhiệm vụ 3.3.11 (rà soát, đánh giá tính phù hợp quy định của pháp luật hiện hành trong giải quyết việc nhập quốc tịch Việt Nam, đăng ký hộ tịch cho người không quốc tịch tại Việt Nam); nhiệm vụ 3.3.12 (nghiên cứu, đề xuất các giải pháp hoàn thiện chính sách, pháp luật để hỗ trợ người không quốc tịch và con cháu của họ, trẻ em là con của công dân Việt Nam với người nước ngoài đang cư trú trên lãnh thổ Việt Nam hòa nhập cộng đồng); nhiệm vụ 3.3.13 (nghiên cứu việc cấp các giấy tờ quốc tịch, hộ tịch cho người di cư đủ điều kiện; xây dựng thủ tục xác định người không quốc tịch tại Việt Nam); nhiệm vụ 3.3.14 (nghiên cứu giải pháp tăng cường quản lý các hoạt động kết hôn, cho nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài).

- **Bộ Nội vụ:** nhiệm vụ 3.2.3, 3.2.6 (nghiên cứu gia nhập Công ước quốc tế năm 1990 về bảo vệ quyền của tất cả những người lao động di cư và gia đình họ và một số Công ước của ILO); nhiệm vụ 3.3.1 (hoàn thiện chính sách quản lý lao động di cư của Việt Nam ở nước ngoài, đặc biệt chú ý đến lao động Việt Nam làm việc tại khu vực biên giới); nhiệm vụ 3.3.2; nhiệm vụ 3.3.3; nhiệm vụ 3.3.6 (nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng lao động đi làm việc ở nước ngoài).

- **Bộ Công an:** nhiệm vụ 3.2.4 (nghiên cứu gia nhập Nghị định thư về chống đưa người di cư trái phép qua đường bộ, đường biển và đường hàng không, bổ sung cho Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia); nhiệm vụ 3.3.5 (hoàn thiện chính sách quản lý người nước ngoài tại Việt Nam); nhiệm vụ 3.3.15 (rà soát, nghiên cứu giải pháp phòng, chống mua bán người).

- **Bộ Giáo dục và Đào tạo:** nhiệm vụ 3.3.4 (hoàn thiện chính sách quy định về việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập; tăng cường quản lý hoạt động tư vấn du học: việc ban hành và thực hiện Nghị định số 86/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ cũng như các quy định có liên quan) và nhiệm vụ 3.5.6 (đẩy mạnh giáo dục nghề nghiệp đảm bảo bình đẳng giới).

- **Bộ Y tế:** nhiệm vụ 3.3.8 (hoàn thiện chính sách chăm sóc sức khỏe dành cho người di cư).

- **Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam:** nhiệm vụ 3.3.17 (nghiên cứu các giải pháp giảm tình trạng dễ bị tổn thương của phụ nữ trong quá trình di cư).

- **Bộ Tài chính:** nhiệm vụ 3.5.1 (rà soát và đẩy mạnh việc triển khai Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, lồng ghép các vấn đề di cư vào Kế hoạch này).

- **Bộ Nông nghiệp và Môi trường:** nhiệm vụ 3.5.2 (triển khai Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu).

- **Bộ Dân tộc và Tôn giáo:** nhiệm vụ 3.5.4 (nghiên cứu, xây dựng đề án, chính sách về vấn đề di cư và tạo sinh kế cho đồng bào các dân tộc thiểu số).

- **UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:** nhiệm vụ 3.5.5 (lồng ghép các vấn đề di cư vào các chương trình, chiến lược phát triển của địa phương).

#### 2.4. Tăng cường hợp tác quốc tế trong việc thực hiện Thỏa thuận GCM

- Việc tham gia các diễn đàn quốc tế và khu vực về di cư quốc tế.

- Việc nghiên cứu, đề xuất ký kết hoặc gia nhập các điều ước quốc tế, ký kết các thỏa thuận quốc tế cũng như tham gia các cam kết quốc tế về di cư và tổ chức triển khai thực hiện.

- Việc tổ chức triển khai các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế và cam kết quốc tế về di cư mà Việt Nam là thành viên

- Việc thu hút, tranh thủ nguồn lực quốc tế trong quá trình triển khai Thỏa thuận GCM.

\* **Lưu ý:** Các bộ, cơ quan sau đánh giá thêm việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể:

- **Bộ Nội vụ:** nhiệm vụ 5.2.1 (thúc đẩy công nhận lẫn nhau về kỹ năng, trình độ giữa Việt Nam với các nước/vùng lãnh thổ); nhiệm vụ 5.2.2 (phát triển, mở rộng hợp tác thúc đẩy các kênh di cư hợp pháp về lao động); nhiệm vụ 5.2.3 (tình hình ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về hợp tác trong lĩnh vực lao động).

- **Bộ Công an:** nhiệm vụ 5.2.4 (đánh giá việc nghiên cứu, đề xuất ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về phòng, chống mua bán người, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán, phòng, chống tội phạm, phòng, chống di cư trái phép, đưa người di cư trái phép, nhận trở lại công dân).

- **Bộ Tài chính:** nhiệm vụ 5.2.5 (nghiên cứu, đề xuất ký kết các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về bảo hiểm xã hội).

## IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

### 1. Ưu điểm

### 2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Về cơ chế phối hợp trong quản lý di cư quốc tế và các vấn đề có liên quan

- Về công tác quản lý công dân Việt Nam di cư ra nước ngoài và người nước ngoài trong các lĩnh vực có liên quan

- Về việc thu thập thông tin, dữ liệu về di cư của công dân Việt Nam ra nước ngoài và người nước ngoài vào Việt Nam



- Về chính sách, pháp luật liên quan đến di cư quốc tế
- Về hợp tác quốc tế trong việc thực hiện Thỏa thuận GCM
- ...

### **3. Bài học kinh nghiệm**

## **V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI**

### **1. Bối cảnh, dự báo tình hình và những vấn đề đặt ra trong công tác triển khai Thỏa thuận GCM**

#### **2. Nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới**

#### **3. Đề xuất, kiến nghị**

- Với Bộ Ngoại giao:
  - + Đề xuất sửa đổi Quyết định 402/QĐ-TTg ngày 20/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ (nếu có)
  - + Đề xuất điều chỉnh lại nhiệm vụ tại Quyết định 402/QĐ-TTg ngày 20/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình hiện nay (nếu có)
  - + Các đề xuất khác (nếu có)
- Với các bộ, cơ quan:
- Với Chính phủ, Quốc hội:

# PHỤ LỤC

(Kèm theo Đề cương báo cáo sơ kết 5 năm triển khai thực hiện  
Kế hoạch triển khai Thỏa thuận toàn cầu về Di cư hợp pháp, an toàn và trật tự của Liên hợp quốc)

## BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU DI CƯ QUỐC TẾ

Cơ quan báo cáo:

Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Ngoại giao

Kỳ báo cáo: 01/01/2020-31/3/2025

Lưu ý: Đối với số liệu từ 01/01/2025 - 31/3/2025: Đề nghị tách riêng thành 1 biểu mẫu

Đơn vị: Người

A	Số liệu thống kê di cư quốc tế của công dân Việt Nam	Tổng số	Trong đó:		
			Nữ	Dân tộc Kinh	Dân tộc khác
1	Số liệu công dân Việt Nam đi cư hợp pháp				
1	Lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng				
	<i>Chia theo trình độ chuyên môn</i>				
	<i>Phổ thông (không qua đào tạo nghề)</i>				
	<i>Qua đào tạo nghề</i>				
	<i>Cao đẳng, Đại học trở lên</i>				
	<i>Chia theo quốc gia</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi (15-19 tuổi; 20-24 tuổi... 55-59 tuổi; 60-64 tuổi; 65+ tuổi)</i>				
	<i>15-19 tuổi</i>				
	<i>20-24 tuổi</i>				
	<i>...</i>				
	<i>55-59 tuổi</i>				
	<i>60-64 tuổi</i>				
	<i>65+ tuổi</i>				
	<i>Chia theo lĩnh vực ngành, nghề</i>				
	<i>Chia theo mức lương (dưới 500 USD/tháng; 500-1.000 USD/tháng; trên 1.000 USD/tháng)</i>				
	<i>Dưới 500 USD/tháng</i>				
	<i>500-1.000 USD/tháng</i>				
	<i>Trên 1.000 USD/tháng</i>				
	<i>Chia theo thời gian làm việc theo hợp đồng (dưới 1 năm; 1-3 năm; 3-5 năm, trên 5 năm)</i>				
	<i>Dưới 1 năm</i>				
	<i>1-3 năm</i>				
	<i>3-5 năm</i>				
	<i>Trên 5 năm</i>				

2	<b>Lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các hình thức khác</b>				
	<i>Lao động tự do</i>				
	<i>Lao động theo các hình thức khác</i>				
	<i>Lưu ý: Tiêu chí thống kê như mục I.1</i>				
	<b>Du học sinh học bổng</b>				
	<i>Chia theo quốc gia</i>				
	<i>Chia theo trình độ đào tạo</i>				
	<i>Tiến sĩ</i>				
	<i>Thạc sĩ</i>				
	<i>Đại học</i>				
	<i>Cao đẳng</i>				
	<i>Trung học phổ thông</i>				
	<i>Trung học cơ sở</i>				
	<i>Thực tập sinh</i>				
	<i>Bồi dưỡng</i>				
	<i>Khác</i>				
	<i>Chia theo ngành học</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
4	<b>Du học sinh tự túc</b>				
	<i>Lưu ý: Tiêu chí thống kê như mục I.3</i>				
5	<b>Công dân Việt Nam kết hôn với người nước ngoài</b>				
	<i>Chia theo quốc gia (người nước ngoài mang quốc tịch)</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
6	<b>Công dân Việt Nam được cho nhận con nuôi quốc tế</b>				
	<i>Chia theo thỏa thuận, hiệp định hợp tác giữa Việt Nam với các nước và vùng lãnh thổ về nuôi con nuôi</i>				
	<i>Chia theo quốc gia</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>				
7	<b>Số liệu công dân Việt Nam di cư trở về</b>				
7.1	<b>Lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài kết thúc hợp đồng về nước*</b>				
	<i>Chia theo trình độ chuyên môn (thống kê như mục I.1)</i>				
	<i>Chia theo quốc gia</i>				
	<i>Chia theo nhóm tuổi (thống kê như mục I.1)</i>				
	<i>Chia theo lĩnh vực, ngành nghề</i>				
	<i>Chia theo mức lương (thống kê như mục I.1)</i>				
	<i>Chia theo nguyên nhân di cư trở về</i>				
7.2	<b>Công dân Việt Nam kết thúc thời gian học tập ở nước ngoài về nước</b>				
7.2.1	<b>Lưu học sinh học bổng</b>				
	<i>Chia theo quốc gia</i>				
	<i>Chia theo trình độ đào tạo (thống kê như mục I.3)</i>				
	<i>Chia theo ngành học</i>				

	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>			
7.2.2	<b>Lưu học sinh tự túc</b>			
	<i>Chia theo quốc gia</i>			
	<i>Chia theo trình độ đào tạo (thống kê như mục I.3)</i>			
	<i>Chia theo ngành học</i>			
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>			
7.3	<b>Công dân Việt Nam di cư trở về thuộc các nhóm đối tượng khác</b>			
	<i>Chia theo quốc gia</i>			
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>			
8	<b>Số liệu công dân xuất cảnh</b>			
	<i>Xuất cảnh qua đường bộ</i>			
	<i>Xuất cảnh qua đường hàng không</i>			
	<i>Xuất cảnh qua đường biển</i>			
II	<b>Số liệu công dân Việt Nam di cư trái phép và bị mua bán ra nước ngoài</b>			
1	<b>Công dân Việt Nam xuất cảnh trái phép</b>			
	<i>Chia theo hình thức xuất cảnh: qua đường hàng không, đường bộ, đường biển</i>			
	<i>Chia theo phương thức di cư trái phép: sử dụng giấy tờ nhân thân giả mạo, thị thực giả mạo...</i>			
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>			
	<i>Chia theo địa phương nơi công dân thường trú trước khi xuất cảnh</i>			
	<i>Chia theo quốc gia đến</i>			
2	<b>Công dân Việt Nam lao động, cư trú trái phép ở nước ngoài</b>			
	<i>Chia theo quốc gia</i>			
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>			
3	<b>Công dân Việt Nam bị mua bán ra nước ngoài</b>			
	<i>Chia theo địa phương nơi công dân thường trú trước khi bị mua bán ra nước ngoài</i>			
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>			
	<i>Chia theo nước bị mua bán ra nước ngoài</i>			
	<i>Chia theo hành vi mua bán người</i>			
4	<b>Số liệu công dân Việt Nam là nạn nhân bị mua bán được hỗ trợ</b>			
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>			
	<i>Chia theo địa phương nơi công dân thường trú</i>			
	<i>Chia theo các dịch vụ hỗ trợ theo quy định (hỗ trợ thiết yếu ban đầu, hỗ trợ y tế, tư vấn tâm lý, trợ giúp pháp lý, vay vốn sản xuất, trợ cấp khó khăn ban đầu, số tiền được vay)</i>			
	<i>Chia theo trình độ học vấn, nghề nghiệp</i>			
	<i>Chia theo cơ sở hỗ trợ nạn nhân/cơ sở bảo trợ xã hội</i>			
B	<b>Số liệu người nước ngoài di cư vào Việt Nam</b>	<b>Tổng số</b>	<b>Trong đó: Nữ</b>	<b>Ghi chú</b>
I	<b>Người nước ngoài được cấp phép làm việc tại Việt Nam</b>			
	<i>Chia theo quốc tịch</i>			
	<i>Chia theo ngành nghề</i>			

B	Số liệu người nước ngoài di cư vào Việt Nam	Tổng số	Trong đó: Nữ	Ghi chú
I	<b>Người nước ngoài được cấp phép làm việc tại Việt Nam</b>			
	<i>Chia theo quốc tịch</i>			
	<i>Chia theo ngành nghề</i>			
	<i>Chia theo vị trí công việc</i>			
II	<b>Người nước ngoài học tập tại Việt Nam</b>			
1	<b>Lưu học sinh theo hiệp định</b>			
	<i>Chia theo quốc tịch</i>			
	<i>Chia theo trình độ đào tạo</i>			
	<i>Tiến sĩ</i>			
	<i>Thạc sĩ</i>			
	<i>Đại học</i>			
	<i>Cao đẳng</i>			
	<i>Trung cấp</i>			
	<i>Phổ thông</i>			
	<i>Dự bị tiếng Việt</i>			
	<i>Thực tập</i>			
	<i>Khác</i>			
	<i>Chia theo ngành học</i>			
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>			
	2	<b>Lưu học sinh ngoài hiệp định</b>		
<i>Chia theo quốc tịch</i>				
<i>Chia theo trình độ đào tạo (thống kê như mục II.1)</i>				
<i>Chia theo ngành học</i>				
III	<b>Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam ngoài mục đích làm việc, học tập nêu tại mục I và II</b>			
	<i>Chia theo mục đích</i>			
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>			
IV	<b>Người nước ngoài di cư trái phép vào Việt Nam</b>			
1	<b>Người nước ngoài nhập cảnh trái phép</b>			
	<i>Chia theo quốc tịch</i>			
	<i>Chia theo mục đích</i>			
	<i>Chia theo hình thức nhập cảnh trái phép: qua đường hàng không, đường bộ, đường biển</i>			
2	<b>Người nước ngoài cư trú, lao động trái phép</b>			
	<i>Chia theo quốc tịch</i>			
	<i>Chia theo nhóm tuổi</i>			

Lưu ý: Hình thức báo cáo: lập thành văn bản và tệp dữ liệu điện tử định dạng bảng tính Excel, font chữ Times New Roman, cỡ chữ 12; gửi vào địa chỉ email: [dicuquocte@gmail.com](mailto:dicuquocte@gmail.com).

**Chia theo nhóm tuổi**: Đối với lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài có thời hạn theo hợp đồng, thống kê theo Thông tư Thông tư số 15/2019/TT-BLĐ-TBXH ngày 18/9/2019: 15-19 tuổi; 20-24 tuổi... 55-59 tuổi; 60-64 tuổi; 65+ tuổi; Đối với các loại hình di cư khác, nhìn chung được chia theo các nhóm như sau: dưới 16 tuổi; 16-18 tuổi; 18-24 tuổi; 25-40 tuổi; 40-60 tuổi; trên 60 tuổi.